

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/DS-ST

Ngày: 22-7-2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Ông Bùi Kim Châu Hồ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 123/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXXST-DS ngày 12/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2020/QĐST-DS ngày 02/7/2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng S; trụ sở: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Văn N, sinh năm 1978, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ; là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 383/GUQ-CNTĐ ngày 11/03/2020).

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1981; thường trú: Phường E, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

(Ông Bùi Văn N có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà Nguyễn Thị Hồng D vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/8/2014, bà Nguyễn Thị Hồng D có ký với Ngân hàng S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Bà Nguyễn Thị Hồng D, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,15%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Trong quá trình sử dụng thẻ, Bà Nguyễn Thị Hồng D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bà Nguyễn Thị Hồng D vẫn không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng. Đến ngày 05/2/2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Tính đến ngày 22/7/2020, Bà Nguyễn Thị Hồng D còn nợ ngân hàng tổng số tiền là 53.167.213 đồng. Trong đó:

+ Nợ gốc: 17.011.837 đồng

+ Lãi: 36.155.376 đồng

Do đó Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Hồng D phải thanh toán toàn bộ các khoản nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

- *Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng D:* Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn để làm việc, cung cấp bản tự khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, bị đơn cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, giấy triệu tập để tham gia tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có văn bản nào thể hiện ý kiến của bị đơn về việc không thừa nhận chữ ký của mình trong hợp đồng tín dụng mà nguyên đơn cung cấp.

[3] Tòa án căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, xác định: Ngày 06/8/2014, bà Nguyễn Thị Hồng D có ký với Ngân hàng S “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng”, sử dụng loại thẻ tín dụng quốc tế Ladies First, được Ngân hàng phê duyệt ngày 15/8/2014 với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất áp dụng theo thông báo của Ngân hàng là 2,15%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

[4] Theo Bản tóm tắt sao kê tháng 9/2014, bà D đã có phát sinh giao dịch với tổng số tiền 14.329.100 đồng. Tuy nhiên, quá trình sử dụng thẻ bà D không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, đến kì sao kê tháng 01/2015, bà D chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.000.000 đồng thì ngưng thanh toán cho đến nay. Ngày 05/2/2015, bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ Điều 22, Điều 23 của “Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng”, Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu 17.011.837 đồng sang nợ quá hạn và tính lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/7/2020 là 36.155.376 đồng (theo bảng Tóm tắt sao kê của nguyên đơn cung cấp) là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

[5] Bà D vi phạm nghĩa vụ nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu bà D phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 22/7/2020 là 53.167.213 đồng (trong đó gồm nợ gốc: 17.011.837 đồng; lãi: 36.155.376 đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng D về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng D phải trả cho Ngân hàng S số tiền 53.167.213 đồng, trong đó gồm nợ gốc: 17.011.837 đồng; nợ lãi: 36.155.376 đồng.

Kể từ ngày 23/7/2020 bà Nguyễn Thị Hồng D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hồng D phải chịu 2.658.000 đồng.

Ngân hàng S không phải chịu. Trả lại cho Ngân hàng S số tiền 1.276.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0040276 ngày 06/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Dĩ An;
- Chi cục THADS TP. Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Trang